| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 26/2026/HS-PT
Ngày: 29 - 01 - 2026

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Võ Trung Hiếu.**

*Các Thẩm phán*: Ông **Nguyễn Lê Huy.**

Ông **Võ Ngọc Giàu**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Phạm Thị Hồng Mơ –** Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sátnhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Bà **Trần Ngọc Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 353/2025/TLPT-HS ngày 17 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Xuân H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 14/2025/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Tháp.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

**Nguyễn Xuân H (Tên gọi khác: L)**, sinh ngày 01/6/1960 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Số CMND: 024868868. Nơi ĐKHKTT: Số D B, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện nay: Số A Â, Phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thành L1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị B; Bị cáo có chồng tên Đào Thanh T (đã ly hôn); bị cáo có 05 người con; Tiền án: không; tiền sự: không;

Đặc điểm nhân thân: Từ nhỏ đến lớn sống chung với gia đình đi học đến 10 nghỉ học, sinh sống tại địa phương. Ngày 20/7/2017, Nguyễn Xuân H bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T bắt tạm giam đến ngày 18/01/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho gia đình bảo lĩnh. Ngày 04/5/2018, bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang ra Quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tại Viện pháp y tâm thần Trung ương B4. Đến ngày 14/10/2024, Nguyễn Xuân H được đình chỉ bắt buộc chữa bệnh và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh. Nay bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân H:* Luật sư Nguyễn Thành T1 - Công ty TNHH MTV V thuộc đoàn Luật sư thành phố H.

- *Bản án không bị kháng nghị.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân H khai nhận có quen với Bùi Văn Đ ở Đồng Tháp (không rõ thông tin nhân thân) biết được chính sách của Đài Loan cho phép người thân của người nước ngoài đang có gia đình, đang học tập hoặc làm việc tại Đài Loan (không bao gồm lao động nhập cư) xin visa thăm thân nhân nhập cảnh vào Đài Loan trong thời hạn 3 tháng, điều kiện phải chứng chứng minh về mối quan hệ gia đình với người mà mình chuẩn bị đến thăm tại Đài Loan. Nguyễn Xuân H khai nhận đã liên hệ với Đào Thị N (là em chồng của H), Ngô Thị Kim O đang định cư tại Đài Loan nhờ mua giúp bộ hồ sơ xin visa thăm thân gởi về Việt Nam cho Nguyễn Xuân H giá 1.000 đô la Mỹ/1 bộ để làm hồ sơ giả xin visa thăm thân nhưng thực chất cho các đối tượng có mục đích sang Đài Loan lao động trái phép.

Trong khoảng thời gian từ năm 2014 - 2015, Nguyễn Xuân H đã nhận làm hồ sơ giả xin visa tổng cộng 97 hồ sơ (cho 97 người), trong đó 19 hồ sơ là người ở Đồng Tháp, 78 hồ sơ là người ở Tiền Giang, H nhận tiền công từ 4.500 - 5.500 đô la Mỹ/1 hồ sơ. Sau khi trừ các chi phí (tiền mua hồ sơ, chụp ảnh, tiền xe, tiền chia cho các đồng phạm…), trung bình Nguyễn Xuân H thu lợi bất chính khoảng 17.000.000 đồng/người. Trong 97 hồ sơ Nguyễn Xuân H tổ chức cho 79 người xuất cảnh thành công đến Đài Loan, thu lợi bất chính 1.343.000.000 đồng (17.000.000 đồng x 79 người). Cùng giúp sứccho Nguyễn Xuân H thực hiện tội phạm gồm Trần Minh R, sinh năm 1968, ngụ ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Trần Thị T2, sinh năm 1958, ngụ ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang làm giả thông tin cá nhân của những người mà Nguyễn Xuân H nhận làm hồ sơ để được nhập khẩu vào sổ hộ khẩu của hộ gia đình trên địa bàn huyện C, tỉnh Tiền Giang, huyện T, tỉnh Đồng Tháp mà có người thân đang học tập hoặc lấy chồng tại Đài Loan để làm chứng minh nhân dân và xin cấp hộ chiếu (visa).

Vai trò của những người giúp sức cho Nguyễn Xuân H như sau:

Trần Minh R đã giúp sức cho Nguyễn Xuân H làm giả chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu để nhập khẩu cho 13 người, Nguyễn Văn P là Phó trưởng Công an xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp giúp cho Trần Minh R làm các loại giấy tờ giả giúp Nguyễn Xuân H.

Trần Thị T2 được Nguyễn Xuân H đưa 06 Giấy chuyển hộ khẩu (Theo mẫu HK07) đến nhờ Nguyễn Văn S là Phó trưởng công an xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang làm thủ tục cho 78 người để nhập khẩu vào 12 hộ khẩu trên địa bàn xã H. Trong đó có 74/78 người đã được Công an huyện C làm thủ tục cấp giấy chứng minh nhân dân mục đích để sử dụng làm thủ tục xin cấp visa.

Ngoài ra, trong quá trình làm hồ sơ giả tổ chức đưa người khác trốn đi Đài Loan thì Nguyễn Xuân H có thuê Hồ Trung H1, Võ Văn Đ1, Nguyễn Thanh B1, Nguyễn Tấn L2 là em chồng và cháu của Nguyễn Xuân H phụ giúp H dẫn khách đi Đồng Tháp, Tiền Giang để làm hộ khẩu, chứng minh nhân dân và hộ chiếu giả, những người được thuê không biết việc Nguyễn Xuân H làm hồ sơ giả để xin cấp visa.

Kết quả xác minh:

Căn cứ Công văn số 63/CV-XNC ngày 27/02/2018 của Cục Q, nhập cảnh Bộ C4 tại Thành phố Hồ Chí Minh, xác định trong số 92 bộ hồ sơ Nguyễn Xuân H đã nhận làm giả xin visa xuất cảnh sang Đài Loan, có 79 người đã xuất cảnh (Danh sách các trường hợp bị cáo Nguyễn Xuân H nhận làm hồ sơ giả xin cấp hộ chiếu đưa người xuất cảnh sang Đài Loan tại bút lục số 394 - 400); Kết quả tra cứu dữ liệu tại Phòng quản lý xuất, nhập cảnh Công an tỉnh T xác định 74 người được Nguyễn Văn S thực hiện thủ tục nhập khẩu trái phép vào 12 hộ khẩu tại xã H trong đó có 73 người được cấp hộ chiếu, 15 người bị chính quyền Đài Loan phát hiện cư trú bất hợp pháp, trục xuất về Việt Nam.

Kết quả làm việc 15 người bị chính quyền Đài Loan trục xuất về Việt Nam đều khai nhận được Nguyễn Xuân H làm hồ sơ giả giá 4.500 đến 5.500 đô la Mỹ/01 hồ sơ để họ được xuất cảnh trái phép sang Đài Loan theo diện thăm thân nhưng thực tế họ sang Đài Loan lao động trái phép gồm:

1. Lê Thị T3, sinh năm 1972, ngụ số D N, phường A, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (Thông tin thể hiện trong hồ sơ giả tên Lê Thị H2, sinh ngày 16/02/1966, ngụ tỉnh Long An) xuất cảnh ngày 02/6/2014, nhập cảnh ngày 16/02/2017), Nguyễn Xuân H nhận làm hồ sơ giả xin cấp visa giá 4.500 đô la Mỹ, sau khi trừ các chi phí Nguyễn Xuân H thu lợi 10.000.000 đồng.

2. Nguyễn Lê Kim N1, sinh ngày 04/12/1989, ngụ ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh (Thông tin thể hiện trong hồ sơ giả tên Võ Thị Diễm H3, sinh năm 1996, ngụ tỉnh Đồng Tháp) xuất cảnh ngày 19/8/2014, nhập cảnh ngày 09/11/2014),Nguyễn Xuân H nhận làm hồ sơ giả xin cấp visa giá 4.000 đô la Mỹ, sau khi trừ đi các chi phí Nguyễn Xuân H thu lợi 15.000.000 đồng.

3. Lê Minh N2, sinh 19/10/1996, ngụ ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang (Thông tin thể hiện trong hồ sơ giả tên Lê Công T4, sinh ngày 21/5/1997, ngụ tỉnh Đồng Tháp) xuất cảnh ngày 04/6/2015, nhập cảnh ngày 29/10/2017, Nguyễn Xuân H nhận làm hồ sơ này giá 5.000 đô la Mỹ, sau khi trừ các chi phí Nguyễn Xuân H thu lợi 20.000.000 đồng.

4. Đào Phú D (B2), sinh năm 1972, ngụ ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (Thông tin thể hiện trong hồ sơ giả tên Nguyễn Văn C, sinh ngày 12/6/1961, ngụ tỉnh Đồng Tháp) xuất cảnh ngày 28/5/2015, nhập cảnh ngày 21/01/2017), Nguyễn Xuân H nhận làm hồ sơ giả xin visa giá 5.000 đô la Mỹ, sau khi trừ các chi phí Nguyễn Xuân H thu lợi 15.000.000 đồng.

5. Cao Xuân T5, sinh năm 1964, ngụ Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị (Thông tin thể hiện trong hồ sơ giả tên Nguyễn Văn P1, sinh năm 1962, ngụ tỉnh Tiền Giang) xuất cảnh ngày 21/12/2014, nhập cảnh ngày 07/7/2016), Nguyễn Xuân H nhận làm hồ sơ giả xin visa giá 120.000.000 đồng, sau khi trừ các chi phí Nguyễn Xuân H thu lợi 15.000.000 đồng.

6. Nguyễn Hằng G, sinh năm 1986, ngụ ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Thông tin thể hiện trong hồ sơ giả tên Lê Tấn T6, sinh năm 1971, ngụ tỉnh Tiền Giang) xuất cảnh ngày 18/02/2015, nhập cảnh ngày 02/11/2017), Nguyễn Xuân

H nhận làm hồ sơ giả xin visa giá 100.000.000 đồng, sau khi trừ các chi phí Nguyễn Xuân H thu lợi 17.000.000 đồng.

7. Hồ Thị D1, sinh năm 1983, ngụ ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh (Thông tin thể hiện trong hồ sơ giả tên Võ Thị H4, sinh năm 1970, ngụ tỉnh Tiền Giang) xuất cảnh ngày 09/11/2014, nhập cảnh ngày 16/3/2015), Nguyễn Xuân H nhận làm hồ sơ giả xin visa giá 5.000 đô la Mỹ, sau khi trừ các chi phí Nguyễn Xuân H thu lợi 15.000.000 đồng.

8. Trần Thị Mỹ H5, sinh năm 1970, ngụ ấp A, xã H, huyện H, tỉnh Tây Ninh (Thông tin thể hiện trong hồ sơ giả tên Lê Thị N3, sinh năm 1962, ngụ tỉnh Tiền Giang) xuất cảnh ngày 04/10/2014, nhập cảnh ngày 08/8/2016), Nguyễn Xuân H nhận làm hồ sơ giả xin visa giá 3.000 đô la Mỹ nhưng không thành công. Trường hợp này sau khi trừ đi chi phí khác hết H không có thu lợi.

9. Nguyễn Hồng K, sinh năm 1981, ngụ Khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Thông tin thể hiện trong hồ sơ giả tên Hồ Việt H6, sinh năm 1967, ngụ tỉnh Tiền Giang) xuất cảnh ngày 15/3/2015, nhập cảnh ngày 21/02/2017), Nguyễn Xuân H nhận làm hồ sơ giả giá 5.000 đô la Mỹ, sau khi trừ các chi phí Nguyễn Xuân H thu lợi 15.000.000 đồng.

10. Trần Thị Thu H7, sinh năm 1976, ngụ ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh (Thông tin thể hiện trong hồ sơ giả tên Phạm Thị C1, sinh ngày 05/10/1965, ngụ tỉnh Tiền Giang) xuất cảnh ngày 13/11/2014, nhập cảnh ngày 14/7/2015), Nguyễn Xuân H nhận làm hồ sơ giả xin visa giá 9.000 đô la Mỹ. Sau khi trừ các chi phí Nguyễn Xuân H thu lợi 40.000.000 đồng.

11. Huỳnh Kim N4, sinh năm 1963, ngụ ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Thông tin thể hiện trong hồ sơ giả tên Lê Thị P2, sinh năm 1965, ngụ tỉnh Tiền Giang) xuất cảnh ngày 30/8/2014, nhập cảnh ngày 15/3/2016), Nguyễn Xuân H nhận làm hồ sơ giả xin visa giá 4.000 đô la Mỹ. Sau khi trừ các chi phí Nguyễn Xuân H thu lợi 10.000.000 đồng.

12. Nguyễn Thị C2, sinh năm 1982, ngụ ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh (Thông tin thể hiện trong hồ sơ giả tên Ngô Thị B3, sinh năm 1965, ngụ tỉnh Tiền Giang) xuất cảnh ngày 14/12/2014, nhập cảnh ngày 14/7/2016), Nguyễn Xuân H nhận làm hồ sơ giả xin cấp visa giá 4.500 đô la Mỹ. Sau khi trừ các chi phí Nguyễn Xuân H thu lợi 12.000.000 đồng.

13. Hồ Văn T7, sinh năm 1975, ngụ ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh (Thông tin thể hiện trong hồ sơ giả tên Huỳnh Văn T8, sinh ngày 06/3/1964, ngụ tỉnh Tiền Giang) xuất cảnh ngày 13/11/2014, nhập cảnh ngày 15/7/2015) và Trần Thị Thu H7 (lấy tên giả là Phạm Thị C1), Nguyễn Xuân H nhận làm hồ sơ giả xin cấp visa giá 9.000 đô la Mỹ, sau khi trừ các chi phí Nguyễn Xuân H thu lợi 40.000.000 đồng.

14. Trần Văn T9, sinh năm 1981, ngụ ấp B, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Thông tin thể hiện trong hồ sơ giả tên Lâm Văn L3, sinh năm 1964, ngụ tỉnh Tiền Giang) xuất cảnh ngày 01/10/2014, nhập cảnh ngày 29/12/2017), Nguyễn Xuân

H nhận làm hồ sơ giả xin cấp visa giá 100.000.000 đồng, sau khi trừ các chi phí Nguyễn Xuân H thu lợi 15.000.000 đồng.

15. Phan Thị Lanh E, sinh năm 1960, ngụ số B, Nguyễn Công T10, Phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Thông tin thể hiện trong hồ sơ giả tên Phạm Thị M, sinh năm 1958, ngụ tỉnh Tiền Giang) xuất cảnh ngày 30/8/2014, nhập cảnh ngày 31/12/2017), Nguyễn Xuân H nhận làm hồ sơ giả xin visa giá 5.000 đô la Mỹ, sau khi trừ các chi phí Nguyễn Xuân H thu lợi 15.000.000 đồng.

Qua điều tra xác định Đào Thị N, Ngô Thị Kim O hiện có chồng và đang định cư tại Đài Loan. Ngày 29/3/2019, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T có Văn bản số 120/UTTPHS-PA09 về việc ủy thác tư pháp đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự số 119/UTTPHS-PA09 đến Cơ quan tư pháp Vùng lãnh thổ Đài Loan để yêu cầu hỗ trợ lấy lời khai Đào Thị N, Ngô Thị Kim O nhằm làm rõ hành vi vai trò của N, O nhưng chưa có kết quả. Vì vậy, không có căn cứ nào để xác định Đào Thị N, Ngô Thị Kim O có liên quan đến việc phạm tội của Nguyễn Xuân H.

Các bị cáo Trần Minh R, Trần Thị Tuyết C3 các đồng phạm khác: Ngày 21/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử Trần Thị T2, Trần Minh R, về tội: "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép", quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 349 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét xử Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn S, về tội: "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ", quy định tại điểm b khoản 2 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đối với Nguyễn Xuân H: Ngày 11/7/2017, Nguyễn Xuân H bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T khởi tố về tội: "Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài trái phép", quy định tại khoản 2 Điều 275 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009. Quá trình tố tụng, Nguyễn Xuân H có biểu hiện nghi vấn tâm thần nên Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T tiến hành trưng cầu giám định pháp y về tâm thần đối với Nguyễn Xuân H.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 192/KL-VPYTW ngày 23/4/2018 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương B4 kết luận: Về y học hiện nay đương sự bị bệnh trầm cảm nặng không có triệu chứng loạn thần (F32.2-ICD.10). Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: hiện nay đương sự mất năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số 509/KL-VPYTW ngày 05/10/2018 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương B4 kết luận: Về y học: Trước, trong và sau khi gây án đương sự bị bệnh rối loạn hỗn hợp lo âu trầm cảm (F41.2-ICD.10). Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi tại thời điểm gây án đương sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Ngày 08/5/2018, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T đã ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang ra Quyết định bắt buộc chữa bệnh đối với Nguyễn Xuân H tại Viện Pháp y tâm thần Trung ương B4. Đến ngày 04/9/2024, Viện pháp y tâm thần Trung ương B4 Thông báo số 429/TB-VPYTW cho Cơ quan tố tụng tỉnh Tiền

Giang tình trạng tâm thần của Nguyễn Xuân H đã ổn định, không cần thiết áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh nữa.

Ngày 15/10/2024, Viện pháp y tâm thần Trung ương B4 gửi Bản kết luận giám định pháp y tâm thần sau thời gian điều trị bắt buộc số 429/TB-VPYTW ngày 02/10/2024 kết luận hiện tại bệnh đã ổn định, không cần thiết điều trị bắt buộc nữa; đương sự có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi để làm việc với cơ quan pháp luật. Ngày 17/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang ra Quyết định đình chỉ thi hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh đối với Nguyễn Xuân H và Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T đã phục hồi điều tra vụ án hình sự đối với bị cáo tiếp tục điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2025/HSST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân H phạm tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép"

Căn cứ điểm áp dụng điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, điểm a, b khoản 3 Điều 349, điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H 10 (M1) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 20/7/2017 đến ngày 18/01/2018.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/9/2025 bị cáo Nguyễn Xuân H kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm**: Theo đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cấp sơ thẩm đã xét xử và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân H:* Luật sư Nguyễn Thành T1 thống nhất về tội danh và khung hình phạt mà án sơ thẩm đã quy kết đối với bị cáo. Luật sư cho rằng án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo mức án 10 năm tù là quá nghiêm khắc, tại cấp sơ thẩm bị cáo nộp 50.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Mặt khác, bị cáo phạm tội lần đầu, bị bệnh mất năng lực nhận thức và điều khiển hành vi trước và sau khi phạm tội, bị cáo tuổi cao sức khỏe kém, bị bệnh suy thận mãn tính (N18), hở van tim hai lá, viêm phế quản (J20), đái tháo đường type 2 (E11), viêm khớp gối nặng (P) (M17) đi lại khó khăn nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo có giao nộp bổ sung tài liệu chứng minh có ông ngoại là Liệt sĩ; được Bệnh viện A xác nhận mang nhiều bệnh tật hiểm nghèo, hiện tại không thể đi đứng được; bị cáo có nhiều hoạt động thiện nguyện, giúp đỡ thiếu nhi tại địa phương ghi nhận, biểu dương. Luật sư đề nghị được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như người phạm tội lập công chuộc tội, bị cáo là người khuyết tật ...

Mặt khác, quá trình điều tra bị cáo bị tạm giam 05 tháng 29 ngày, thời gian chấp hành biện pháp bắt buộc chữa bệnh là 06 năm 05 tháng 13 ngày (tổng cộng là 06 năm 11 tháng 12 ngày), đề nghị áp dụng khoản 2, mục II của Hướng dẫn số 94/HD-HĐTVĐX ngày 04/7/2025 của Hội đồng đặc xá để tính vào thời gian bị cáo đã chấp hành án phạt tù.

Tóm lại Luật sư đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đồng thời trừ thời gian bị bắt buộc chữa bệnh vào thời hạn tù cho bị cáo Nguyễn Xuân H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong phần tranh luận phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xác định tội danh Tòa án cấp sơ thẩm quy kết đối với bị cáo là phù hợp. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo H cung cấp thêm nhiều tài liệu chứng cứ chứng minh bị cáo là cháu ngoại của Liệt sĩ, thuộc gia đình có công với cách mạng; Được Bệnh viện A thuộc Sở y tế thành phố H xác định mang nhiều bệnh nặng... Do đó đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị chấp nhận 01 phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân H, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, giảm nhẹ cho bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Sau khi tuyên án sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Xuân H nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Đơn kháng cáo nộp trong hạn, đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Trong thời gian chuẩn bị xét xử do bệnh nặng không thể đi đứng được, bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 290, Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, xét thấy việc vắng mặt của bị cáo không làm ảnh hưởng đến việc xét xử, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu, xét xử vắng mặt bị cáo.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã truy tố và tội danh cũng như khung hình phạt theo án sơ thẩm đã tuyên, thể hiện: Từ năm 2014 - 2015, Nguyễn Xuân H lợi dụng chính sách của Đài Loan cho phép người thân của người nước ngoài đang có gia đình, đang học tập hoặc làm việc tại Đài Loan (không bao gồm lao động nhập cư) xin visa thăm thân nhân nhập cảnh Đài Loan, H nhận làm 97 hồ sơ giả xin cấp visa để xuất cảnh sang Đài Loan, bị cáo đã tổ chức được cho 79 người/97 hồ sơ trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, Đồng Tháp xuất cảnh trái phép sang Đài Loan theo diện thăm thân nhân nhưng thực tế những người này không có người thân tại Đài Loan, mục đích ở lại lao động trái phép (trong đó đã bị Đài Loan phát hiện và trục xuất

về 15 người), H thu lợi bất chính 1.343.000.000 đồng. Do đó, Toà án nhân dân khu vực 5 - Đồng Tháp xét xử bị cáo về tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép" theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 349 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2.2]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người đã thanh niên có đủ nhận thức để biết việc tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích vụ lợi bị cáo đã bất chấp thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến Quan hệ quản lý hành chính nhà nước trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh, xâm phạm đến quan hệ đối ngoại của Việt Nam với bạn bè quốc tế, làm ảnh hưởng đến vấn đề quản lý lao động do không được Nhà nước bảo hộ. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với hành vi, hậu quả bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.3]. Xét thấy: Bị cáo đã câu kết với Trần Minh R và Trần Thị T2 làm 97 hồ sơ giả xin cấp visa, tổ chức cho 79 người xuất cảnh trái phép sang Đài Loan để lao động trái phép, thu lợi bất chính số tiền 1.343.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án 10 năm tù. Tại cấp phúc thẩm bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có cung cấp các tài liệu để là căn cứ như: có ông ngoại là Liệt sĩ, thuộc diện gia đình có công với cách mạng; Hiện tại lâm nhiều trọng bệnh được Bệnh viện A thuộc Sở y tế thành phố H xác định, trong đó có bệnh lao kháng thuốc, bệnh suy thận nặng, đây là những bệnh hiểm nghèo được tiên lượng xấu, có nguy cơ tử vong cao theo quy định tại Nghị quyết số 03/2024-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi nguy hiểm cho xã hội của bị cáo, nhân thân cùng các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng. Bên cạnh đó có xem xét tình trạng bệnh tật của bị cáo hiện tại như nêu trên. Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[2.4]. Đối với đề nghị trừ thời gian bắt buộc chữa bệnh vào mức án tù của Luật sư bào chữa cho bị cáo, xét thấy như sau: Căn cứ Điều 49 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì thời gian bắt buộc chữa bệnh chỉ được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù khi bị cáo đang chấp hành hình phạt tù. Đối với bị cáo H bị áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong giai đoạn điều tra nên không thuộc trường hợp được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù. Mặt khác, Hướng dẫn số 94/HD-HĐTVĐX ngày 04/7/2025 của Hội đồng đặc xá chỉ áp dụng trong việc xem xét điều kiện đặc xá, không phải là căn cứ pháp lý để trừ thời gian chữa bệnh bắt buộc vào thời gian chấp hành hình phạt tù khi quyết định hình phạt. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của luật sư.

[3]. Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đề nghị của Luật sư, như nhận định ở trên, chỉ được chấp nhận 01 phần.

[4]. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1**. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân H.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 14/2025/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Tháp.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân H phạm tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài trái phép".

Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, điểm a, b khoản 3 Điều 349, điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 20/7/2017 đến ngày 18/01/2018.

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân H phải nộp tiếp số tiền thu lợi bất chính là 1.293.000.000đ (Một tỷ, hai trăm chín mươi ba triệu đồng).

**2**. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Xuân H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

**3**. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
-Toà án nhân dân tối cao;(1)
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;(1)
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Đồng Tháp; (1)
- TAND khu vực 5 - Đồng Tháp; (2)
- VKSND khu vực 5 - Đồng Tháp;(1)
- THADS tỉnh Đồng Tháp;(1)
- Bị cáo;(1)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Trung Hiếu**